

QUỐC HỘI
Số: 43/2005/QH11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 06 năm 2005

LUẬT

SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 12 năm 1981, đã được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất ngày 21 tháng 12 năm 1990, lần thứ hai ngày 22 tháng 6 năm 1994.

Điều 1.

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự:

1. Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 12

Công dân nam đủ mười tám tuổi được gọi nhập ngũ; độ tuổi gọi nhập ngũ trong thời bình từ đủ mười tám tuổi đến hết hai mươi lăm tuổi".

2. Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 14

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan và binh sĩ là mười tám tháng.

Thời hạn phục vụ tại ngũ trong thời bình của hạ sĩ quan chỉ huy, hạ sĩ quan và binh sĩ chuyên môn kỹ thuật do quân đội đào tạo, hạ sĩ quan và binh sĩ trên tàu hải quân là hai mươi bốn tháng".

3. Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 16

Việc tính thời điểm bắt đầu và kết thúc thời hạn phục vụ tại ngũ của hạ sĩ quan và binh sĩ do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Thời gian đào ngũ không được tính vào thời hạn phục vụ tại ngũ".

4. Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 22

Công dân được gọi nhập ngũ phải có mặt đúng thời gian và địa điểm ghi trong lệnh gọi nhập ngũ, nếu có lý do chính đáng không thể đến đúng thời gian và địa điểm thì phải có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi cư trú".

5. Điều 24 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 24

1. Ủy ban nhân dân các cấp thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự ở cấp mình để giúp Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện công tác nghĩa vụ quân sự ở địa phương.

2. Thành phần của Hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp được quy định như sau:

a) Hội đồng nghĩa vụ quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự địa phương, các uỷ viên là người phụ trách các ngành công an, tư pháp, kế hoạch, lao động - thương binh và xã hội, y tế, giáo dục, văn hoá - thông tin, tài chính và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh;

b) Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã, phường, thị trấn gồm có Chủ tịch là Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch là xã đội trưởng, các uỷ viên là người phụ trách các ngành công an, tư pháp, y tế, tài chính và đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội cựu chiến binh, một số thành viên khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

3. Hội đồng nghĩa vụ quân sự làm việc theo nguyên tắc tập thể; nghị quyết của Hội đồng phải được quá nửa tổng số thành viên Hội đồng biểu quyết tán thành".

6. Điều 29 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 29

1. Những công dân sau đây được tạm hoãn gọi nhập ngũ trong thời bình:

- a) Chưa đủ sức khoẻ phục vụ tại ngũ theo kết luận của Hội đồng khám sức khoẻ;
- b) Là lao động duy nhất phải trực tiếp nuôi người khác trong gia đình không còn sức lao động hoặc chưa đến tuổi lao động;
- c) Có anh, chị hoặc em ruột là hạ sĩ quan, binh sĩ đang phục vụ tại ngũ;
- d) Giáo viên, nhân viên y tế, thanh niên xung phong đang làm việc ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn; cán bộ, công chức, viên chức được điều động đến làm việc ở những vùng này;
- đ) Đang nghiên cứu công trình khoa học cấp Nhà nước được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ hoặc người có chức vụ tương đương chứng nhận;
- e) Đang học ở các trường phổ thông, trường dạy nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học do Chính phủ quy định;
- g) Đi xây dựng vùng kinh tế mới trong ba năm đầu.

Hàng năm, những công dân thuộc diện tạm hoãn gọi nhập ngũ quy định tại khoản này phải được kiểm tra, nếu không còn lý do tạm hoãn thì được gọi nhập ngũ.

2. Những công dân sau đây được miễn gọi nhập ngũ trong thời bình:

- a) Con của liệt sĩ, con của thương binh hạng một, con của bệnh binh hạng một;
- b) Một người anh hoặc em trai của liệt sĩ;
- c) Một con trai của thương binh hạng hai;
- d) Thanh niên xung phong, cán bộ, công chức, viên chức quy định tại điểm d khoản 1 Điều này đã phục vụ từ hai mươi bốn tháng trở lên.

3. Công dân thuộc diện được tạm hoãn gọi nhập ngũ hoặc được miễn gọi nhập ngũ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu tình nguyện thì có thể được tuyển chọn, gọi nhập ngũ.

4. Chính phủ quy định cụ thể vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đặc biệt khó khăn".

7. Điều 37 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 37

Hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị được chia thành quân nhân dự bị hạng một và quân nhân dự bị hạng hai.

Quân nhân dự bị hạng một gồm hạ sĩ quan và binh sĩ đã phục vụ tại ngũ đủ thời hạn hoặc trên hạn định; hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn, nhưng đã phục vụ tại ngũ trên sáu tháng; hạ sĩ quan và binh sĩ đã trải qua chiến đấu; nam quân nhân dự bị hạng hai đã qua huấn luyện tập trung đủ sáu tháng.

Quân nhân dự bị hạng hai gồm hạ sĩ quan và binh sĩ xuất ngũ trước thời hạn nhưng đã phục vụ tại ngũ dưới sáu tháng; công dân nam chưa phục vụ tại ngũ từ hai mươi sáu tuổi trở lên được chuyển sang ngạch dự bị; công dân nữ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự theo quy định tại Điều 4 của Luật này."

8. Điều 39 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 39

Căn cứ vào độ tuổi, hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị ở mỗi hạng được chia thành hai nhóm:

Nhóm A: Nam đến hết ba mươi lăm tuổi; nữ đến hết ba mươi tuổi;

Nhóm B: Nam từ ba mươi sáu tuổi đến hết bốn mươi lăm tuổi; nữ từ ba mươi một tuổi đến hết bốn mươi tuổi".

9. Điều 52 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 52

Quân nhân chuyên nghiệp dự bị; hạ sĩ quan và binh sĩ dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập và kiểm tra sẵn sàng chiến đấu, bản thân và gia đình được hưởng chế độ chính sách do Chính phủ quy định".

10. Khoản 3 Điều 53 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"3. Từ tháng thứ mười chín trở đi được hưởng thêm 200% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng, từ tháng thứ hai mươi lăm trở đi được hưởng thêm 250% phụ cấp quân hàm hiện hưởng hàng tháng;"

Điều 2.

Sửa đổi, bổ sung về từ ngữ trong một số điều của Luật nghĩa vụ quân sự như sau:

1. Bỏ từ "giới" trong cụm từ "nam giới" tại các điều 3, 13, 17, 19, 20 và 38; bỏ từ "giới" trong cụm từ "nữ giới" tại Điều 38;
2. Thay cụm từ "phụ nữ" tại Điều 4 bằng cụm từ "công dân nữ"; thay từ "người" tại các điều 20, 26, 28, 31, 58, 59, 60 và 62 bằng cụm từ "công dân"; thay từ "người" trong cụm từ "người sẵn sàng nhập ngũ" tại Điều 61 bằng cụm từ "công dân";
3. Bỏ từ "về" trong cụm từ "Luật về sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam" tại Điều 6 và Điều 7;
4. Bổ sung cụm từ "(sau đây gọi là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)" vào sau cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn" tại Điều 17; thay cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn" tại Điều 19 và Điều 61 bằng cụm từ "Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã";
5. Thay cụm từ "Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn" tại các điều 23, 36, 54 và 64 bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp xã";
6. Bổ sung cụm từ "(sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện)" vào sau cụm từ "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh" tại Điều 19; thay cụm từ "Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh" tại các điều 27, 31 và 32 bằng cụm từ "Ủy ban nhân dân cấp huyện";
7. Thay cụm từ "ở điểm 2 và điểm 3 Điều 29 của Luật này" tại Điều 33 bằng cụm từ "tại điểm b khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 của Luật này".

Điều 3.

Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005./.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

(Đã ký)

Nguyễn Văn An